

Nghị quyết số: /2026/UBTVQH16

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng
cho từng địa phương

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014, đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo các Luật số 65/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 tháng 2020 và Luật số 62/2025/QH15 ngày 17 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số .../TTr-CP ngày tháng năm 2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia 30% thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng cho từng địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Số thuế giá trị gia tăng dùng để phân chia không bao gồm: Số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng; số thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; số thuế giá trị gia tăng thu từ các nhà cung cấp nước ngoài; số thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là các địa phương).
2. Cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác liên quan ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân chia

1. Việc phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương phải tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Phân chia cho từng địa phương trong phạm vi 30% tổng số thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này (sau đây gọi tắt là tổng số thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng).
3. Đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất, tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tạo sự chủ động cho các cấp chính quyền địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
4. Tiêu chí, định mức phân chia cho từng địa phương phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân chia

1. Các tiêu chí, định mức phân chia cho từng địa phương dựa trên mức độ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu tiêu dùng cuối cùng sử dụng hàng hóa, dịch vụ của từng địa phương; đồng thời, phân bổ tăng nguồn lực cho các địa phương có mật độ dân số thấp, diện tích rộng; bảo đảm tính ổn định lâu dài.
2. Tiêu chí dân số: Dân số đến 01 triệu người được 60 điểm; từ 01 triệu người đến 02 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,05 điểm; từ 02 triệu người đến 03 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,04 điểm, trên 03 triệu người cứ tăng thêm 01 nghìn người được 0,03 điểm.
3. Tiêu chí diện tích tự nhiên: Dưới 3.000 km² được 15 điểm; từ 3.000 km² đến 5.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,03 điểm; từ 5.000 km² đến

10.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,02 điểm; trên 10.000 km² cứ tăng thêm 10 km² được 0,01 điểm.

4. Tiêu chí GRDP bình quân đầu người: Dưới 50 triệu đồng/người được 25 điểm; từ 50 triệu đồng/người đến 100 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 2 điểm; từ 100 triệu đồng/người đến 200 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 1,5 điểm; trên 200 triệu đồng/người cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được 0,5 điểm.

5. Cơ sở dữ liệu sử dụng làm căn cứ phân chia thuế giá trị gia tăng: Tiêu chí dân số, diện tích tự nhiên và GRDP bình quân đầu người của các địa phương của năm trước năm xây dựng dự toán ngân sách do Cục Thống kê - Bộ Tài chính công bố: Trong đó, số liệu dân số là dân số trung bình năm; số liệu diện tích tự nhiên là số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12; số liệu GRDP bình quân đầu người là số liệu của năm trước năm xây dựng dự toán ngân sách.

6. Phương pháp tính số thuế giá trị gia tăng phân chia cho từng địa phương:

a) Phạm vi xác định tổng số thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng tính theo công thức:

Gọi K là tổng số thu thuế giá trị gia tăng không bao gồm số thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

Gọi A là tổng số thu thuế giá trị gia tăng của cả nước.

Gọi B là số hoàn thuế giá trị gia tăng của cả nước (Tại thời điểm Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước thì lấy theo dự toán số thu thuế giá trị gia tăng được Quốc hội quyết định, còn các thời điểm khác trong năm thì lấy theo số thu thuế giá trị gia tăng thực hiện tại từng thời điểm).

Gọi C là số thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, nhà cung cấp nước ngoài và hoạt động xổ số của cả nước.

$$K = A - B - C$$

b) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của 34 địa phương làm căn cứ để phân chia cho từng địa phương, theo các công thức sau:

- Tổng số điểm của từng địa phương:

+ Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i là X_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí dân số của địa phương thứ i là a_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí diện tích tự nhiên của địa phương thứ i là b_i .

+ Gọi số điểm tiêu chí GRDP bình quân đầu người của địa phương thứ i là c_i .

$$X_i = a_i + b_i + c_i$$

- Tổng số điểm của 34 địa phương là Y , theo công thức:

$$Y = \sum_i^{34} X_i$$

c) Gọi Z_i là tỷ lệ phân chia thuế giá trị gia tăng cho địa phương thứ i (tỷ lệ này cố định trong năm), theo công thức:

$$Z_i = \frac{X_i}{Y} \times 30\%$$

d) Số thuế giá trị gia tăng phân chia cho từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số thuế giá trị gia tăng phân chia cho địa phương thứ i , theo công thức:

$$V_i = Z_i \times K$$

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Tổ chức và chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng tại Nghị quyết này và tình hình thực tế của địa phương đề trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc phân chia thuế giá trị gia tăng phần được phân chia cho địa phương giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng kể từ khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

Điều 7. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH